

03.2019

BẢN TIN PHÁP LUẬT



VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TÔ ĐÌNH HUY

Điện thoại: 02838991104 – 0978845617

Tổng đài: 1900 6279

Email: info@luatsuhcm.com

Website: luatsuhcm.com

NỘI DUNG CHÍNH

PHẦN 1: Phân biệt hoạt động thương mại và các hoạt động trung gian thương mại khác

PHẦN 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản có hiệu lực trong tháng

1. Thay thế toàn bộ biểu mẫu đăng ký kinh doanh
2. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm
3. Các trường hợp được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định CPTPP
4. Hướng dẫn về kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp
5. Hướng dẫn về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

PHẦN 3: Một số văn bản có hiệu lực trong tháng

PHẦN 1: PHÂN BIỆT HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI THƯƠNG MẠI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI KHÁC

Hiện nay, hoạt động môi giới thương mại đang là phương thức được nhiều doanh nghiệp lựa chọn trong hoạt động kinh doanh. Việc sử dụng hoạt động môi giới thương mại cũng như các loại hình hoạt động trung gian thương mại khác một cách hợp lý sẽ mang lại hiệu quả rất lớn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế các doanh nghiệp thường có sự nhầm lẫn trong việc sử dụng các hoạt động trung gian thương mại này, dẫn đến việc xác định không đúng bản chất mối quan hệ với bên trung gian, không đúng với nhu cầu của doanh nghiệp khi sử dụng bên trung gian trong quá trình kinh doanh của mình.



Trên cơ sở so sánh với các hoạt động trung gian thương mại khác, chúng tôi sẽ chỉ ra sự khác biệt giữa hoạt động môi giới thương mại và ba hoạt động trung gian thương mại còn lại. Từ đó giúp doanh nghiệp nắm rõ bản chất của hoạt động môi giới thương mại và lựa chọn loại hình trung gian thương mại phù hợp với nhu cầu kinh doanh của mình.

1. So sánh hoạt động Môi giới thương mại và hoạt động Đại diện cho thương nhân

	Hoạt động Môi giới thương mại	Hoạt động Đại diện cho thương nhân
Khái niệm	Môi giới thương mại là hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân làm trung gian (gọi là bên môi giới) cho	Đại diện cho thương nhân là việc một thương nhân nhận uỷ nhiệm (gọi là bên đại diện) của thương nhân khác (gọi là bên

	các bên mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ (gọi là bên được môi giới) trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới (Điều 150 LTM).	giao đại diện) để thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa, theo sự chỉ dẫn của thương nhân đó và được hưởng thù lao về việc đại diện (Điều 141 LTM).
Vai trò của bên trung gian	Bên môi giới <i>hỗ trợ</i> cho bên được môi giới trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa; bên môi giới đóng vai trò là cầu nối để người mua và người bán gặp gỡ nhau.	Bên đại diện thực hiện các hoạt động thương mại cho bên giao đại diện.
	Bên môi giới <i>không tham gia</i> vào việc thực hiện hợp đồng giữa các bên được môi giới, trừ trường hợp có ủy quyền của bên được môi giới.	Bên đại diện <i>được ủy quyền</i> để thay mặt bên giao đại diện thực hiện giao dịch thương mại (bao gồm giao kết hợp đồng) với bên thứ ba.
	Bên môi giới <i>không đại diện cho quyền lợi</i> của bên nào.	Bên đại diện làm việc theo sự chỉ dẫn của bên giao đại diện, <i>đại diện cho quyền lợi</i> của bên giao đại diện.
Bên nhân danh	Bên môi giới thực hiện hoạt động môi giới với <i>danh nghĩa của chính mình</i> .	Bên đại diện thực hiện các hoạt động thương mại với <i>danh nghĩa của bên giao đại diện</i> .
Thời điểm phát sinh quyền hưởng thù lao	Quyền hưởng thù lao môi giới phát sinh từ thời điểm <i>các bên được môi giới đã ký hợp đồng với nhau</i> (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).	Quyền hưởng thù lao đại diện phát sinh từ <i>thời điểm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đại diện</i> .
Hình thức hợp đồng	Hợp đồng môi giới thương mại <i>không nhất thiết phải lập thành văn bản</i> .	Hợp đồng đại diện cho thương nhân phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương (điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật).

Như vậy, điểm khác biệt quan trọng giữa hoạt động môi giới thương mại so với hoạt động đại diện cho thương nhân là ở *sự ủy quyền*. Trong hoạt động môi giới thương mại, bên môi giới chỉ đóng vai trò là bên trung gian tạo điều kiện cho các bên được tiếp xúc với nhau và không tham gia vào hợp đồng,

giao dịch giữa các bên, không đại diện cho quyền lợi của bên nào. Ngược lại, trong hoạt động đại diện cho thương nhân, bên đại diện được bên giao đại diện ủy quyền thực hiện các hoạt động thương mại dưới danh nghĩa của chính bên giao đại diện.

2. So sánh hoạt động Môi giới thương mại và hoạt động Ủy thác mua bán hàng hóa

	Hoạt động Môi giới thương mại	Hoạt động Ủy thác mua bán hàng hóa
Khái niệm	Môi giới thương mại là hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân làm trung gian (gọi là bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ (gọi là bên được môi giới) trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới (Điều 150 LTM).	Ủy thác mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận ủy thác thực hiện việc mua bán hàng hóa với danh nghĩa của mình theo những điều kiện đã thỏa thuận với bên ủy thác và được nhận thù lao ủy thác (Điều 155 LTM).
Chủ thể	+ Bên môi giới: phải là thương nhân. + Bên được môi giới: Thương nhân hoặc không phải là thương nhân.	+ Bên nhận ủy thác: Thương nhân kinh doanh mặt hàng phù hợp với hàng hoá được ủy thác. + Bên ủy thác: Thương nhân hoặc không phải là thương nhân.
Vai trò	Bên môi giới đóng vai trò là cầu nối để người mua và người bán gặp nhau, là trung gian trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng; không tham gia thực hiện hợp đồng giữa các bên (trừ khi được ủy quyền).	Bên nhận ủy thác thực hiện việc mua bán hàng hóa cho bên ủy thác.
Bên nhân danh	Bên môi giới hoạt động với danh nghĩa của chính mình, không đại diện cho quyền lợi của bên nào trong các bên được môi giới.	Bên nhận ủy thác hoạt động với danh nghĩa của chính mình, đại diện cho quyền lợi của bên ủy thác.
Trách nhiệm pháp lý	Bên môi giới có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của bên được môi giới, không chịu trách nhiệm về khả năng thanh toán của họ.	Bên nhận ủy thác có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật của bên ủy thác, nếu nguyên nhân của hành vi vi phạm pháp luật đó có một phần do lỗi của mình gây ra.

Hình thức hợp đồng	Hợp đồng môi giới thương mại không nhất thiết phải lập thành văn bản.	Hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.
---------------------------	---	--

Như vậy, điểm khác biệt quan trọng giữa hoạt động môi giới thương mại so với hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa là *ở mức độ tham gia vào thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa các bên*. Trong hoạt động môi giới thương mại, bên môi giới hoàn toàn không tham gia vào việc thực hiện hợp đồng giữa các bên. Ngược lại, trong hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa, bên nhận ủy thác được tham gia vào hoạt động mua bán hàng hóa với bên thứ ba trên danh nghĩa của chính mình. Hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa chỉ áp dụng trong lĩnh vực mua bán hàng hóa (không áp dụng đối với dịch vụ).

3. So sánh hoạt động Môi giới thương mại và hoạt động Đại lý thương mại

	Hoạt động Môi giới thương mại	Hoạt động Đại lý thương mại
Khái niệm	Môi giới thương mại là hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân làm trung gian (gọi là bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ (gọi là bên được môi giới) trong việc đàm phán, giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới (Điều 150 LTM).	Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý thoả thuận việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hoá cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao (Điều 166 LTM).
Chủ thể	+ Bên môi giới: phải là thương nhân. + Bên được môi giới: Thương nhân hoặc không phải là thương nhân.	+ Bên giao đại lý: Thương nhân (giao hàng hóa, tiền, ủy quyền cung ứng dịch vụ). + Bên đại lý: Thương nhân
Vai trò	Bên môi giới đóng vai trò là người trung gian trong việc đàm phán, ký kết hợp đồng của các bên được môi giới.	Bên đại lý là người trung gian trong việc mua, bán hàng hóa cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng.
Bên nhân danh	Bên môi giới hoạt động với danh nghĩa của chính mình, không đại diện cho quyền lợi của bên nào, không tham gia thực hiện hợp đồng giữa các bên (trừ trường hợp được ủy quyền).	Bên đại lý hoạt động với danh nghĩa của chính mình; đứng tên trên hợp đồng, là chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Mối quan hệ	Quan hệ giữa bên môi giới và bên được môi giới là quan hệ hợp đồng từng lần, ngắn hạn.	Quan hệ giữa bên đại lý và bên giao đại lý là quan hệ hợp đồng dài hạn.
Quyền quyết định giá bán	Bên môi giới không có quyền quyết định giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các bên được môi giới.	Đại lý bao tiêu có quyền quyết định giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng.
Hình thức hợp đồng	Hợp đồng môi giới không nhất thiết phải lập thành văn bản.	Hợp đồng đại lý phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.

Như vậy, điểm khác biệt quan trọng giữa hoạt động môi giới thương mại và hoạt động đại lý thương mại là bên môi giới là không tham gia thực hiện hợp đồng giữa các bên, không được đứng tên trên hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ. Ngược lại, bên đại lý là chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, là bên đứng tên trên hợp đồng mua bán, cung ứng dịch vụ. Mặc dù có sự khác biệt rõ ràng nhưng trên thực tế, nhiều doanh nghiệp có sự nhầm lẫn giữa hai hoạt động này.

Tóm lại, so với các hoạt động trung gian thương mại khác, hoạt động môi giới thương mại có đặc điểm khác biệt là chủ thể thực hiện môi giới thương mại hoàn toàn không tham gia vào hợp đồng, giao dịch giữa các bên, không đại diện cho quyền lợi của bên nào. Chính vì không tham gia vào giao dịch giữa các bên nên bên môi giới không chịu trách nhiệm về khả năng thanh toán của bên được môi giới, không có quyền được quyết định giá bán, giá cung ứng dịch vụ giữa các bên. Đồng thời, nếu các loại hình hoạt động trung gian thương mại khác bắt buộc phải được thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương thì luật lại quy định hợp đồng môi giới không nhất thiết phải lập thành văn bản. Điều này tạo điều kiện cho các hoạt động môi giới có thể tiến hành nhanh chóng, thuận tiện. Tuy nhiên việc không quy định như vậy cũng có mặt trái, đó là làm phát sinh những vấn đề tiềm ẩn về tranh chấp giữa các bên thực hiện dịch vụ môi giới và bên được môi giới, nhất là đối với những hợp đồng có giá trị lớn.

Kết luận: Trên đây là so sánh giữa hoạt động môi giới thương mại với các hoạt động trung gian thương mại khác. Nắm rõ sự khác biệt giữa các hoạt động trung gian thương mại này là cơ sở để chủ thể kinh doanh xác định đúng bản chất mối quan hệ với bên trung gian, đảm bảo việc lựa chọn loại hình trung gian thương mại là phù hợp với nhu cầu kinh doanh của mình.

PHẦN 2: ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG**1. Thay thế toàn bộ biểu mẫu đăng ký kinh doanh**

Ngày 08/01/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/3/2019.

Theo đó, các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc từ ngày 11/3/2019, thay thế cho các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT, bao gồm:

- 5 mẫu Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp và 5 mẫu Danh sách kèm theo như Danh sách về cổ đông, thành viên hợp danh, người đại diện;
- 25 mẫu Thông báo và các văn bản khác do doanh nghiệp phát hành;
- 6 biểu mẫu quy định cho hộ kinh doanh;
- 45 mẫu văn bản quy định cho cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp/đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp/địa điểm kinh doanh/hộ kinh doanh;
- Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh;
- Phong (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy.

2. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Ngày 11/01/2019, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,

lãi suất, phạt vi phạm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

Cụ thể một số hướng dẫn của Nghị quyết này:

- *Áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng:*

Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết đã cụ thể hoá việc áp dụng pháp luật theo từng giai đoạn như sau:

Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của BLDS 2015 thì việc áp dụng pháp luật để xác định lãi, lãi suất như sau:

- Đối với khoảng thời gian trước ngày 1/1/2006 thì áp dụng quy định của BLDS 1995, Nghị quyết ngày 28/10/1995 của Quốc hội về việc thi hành BLDS và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng BLDS 1995.
- Đối với khoảng thời gian từ ngày 1/1/2006 đến trước ngày 1/1/2017 thì áp dụng quy định của BLDS 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 hướng dẫn áp dụng BLDS 2005.
- Đối với khoảng thời gian từ ngày 1/1/2017 thì áp dụng quy định của BLDS 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng BLDS 2015.

- *Áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng:*

Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định

về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

- Xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định:

Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.

- Xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005

Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Các trường hợp được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định CPTPP

Ngày 22/01/2019, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

(CPTPP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/3/2019.

Theo đó, thương nhân được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong 02 trường hợp sau:

- Trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu không quá 1.000 USD hoặc tương đương với đồng tiền của Nước thành viên nhập khẩu hoặc theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu nếu quy định về trị giá miễn chứng từ cao hơn.
- Hàng hóa được Nước thành viên nhập khẩu miễn hoặc không yêu cầu nhà nhập khẩu phải xuất trình C/O.

C/O do cơ quan có thẩm quyền cấp và có hiệu lực trong vòng 01 năm sau ngày phát hành hoặc lâu hơn theo quy định pháp luật của Nước thành viên nhập khẩu.

Cũng theo Thông tư 03/2019, cơ quan, tổ chức cấp C/O xem xét cấp C/O mẫu CPTPP cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu trước ngày 08/3/2019 để được hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định của Hiệp định và theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu.

4. Hướng dẫn về kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp

Ngày 29/01/2019, Kiểm toán nhà nước đã ban hành Quyết định 01/2019/QĐ-KTNN hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán Báo cáo tài chính doanh nghiệp. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/03/2019.

Theo đó, mục đích của việc ban hành hướng dẫn này là:

- Nhằm giúp Kiểm toán viên Nhà nước (viết tắt là KTVNN) vận dụng phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán

một cách phù hợp khi lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán trong kiểm toán BCTCDN.

- Hướng dẫn KTVNN đưa ra ý kiến về việc liệu BCTCDN có được lập và trình bày trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng hay không.

5. Hướng dẫn về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Nghị định 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2019. Theo đó, nghị định này quy định về một số chính sách ưu đãi áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ như sau:

- **Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:** Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.
- **Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước:** Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê

mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

- **Ưu đãi tín dụng:** Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.
- **Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ:** Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- **Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ:** Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay tối đa 50% lãi suất vay vốn tại ngân hàng thương mại cho vay.

PHẦN 3: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

Stt	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
	NGHỊ ĐỊNH	
1	Nghị định 08/2019/NĐ-CP quy định chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài	11/03/2019
2	Nghị định 07/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 68/2015/NĐ-CP quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay	11/03/2019
3	Nghị định 09/2019/NĐ-CP quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước	12/03/2019
4	Nghị định 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước	15/03/2019
5	Nghị định 11/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	15/03/2019
6	Nghị định 16/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	20/03/2019
7	Nghị định 12/2019/NĐ-CP về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành	20/03/2019
8	Nghị định 15/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật giáo dục nghề nghiệp	20/03/2019
9	Nghị định 14/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt	20/03/2019
10	Nghị định 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ	20/03/2019
	THÔNG TƯ – QUYẾT ĐỊNH – NGHỊ QUYẾT	
11	Thông tư 65/2018/TT-BTC quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/03/2019
12	Thông tư 15/2018/TT-BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với Thang máy gia đình do Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành	01/03/2019

13	Thông tư 30/2018/TT-NHNN hướng dẫn xác định vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa là tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/03/2019
14	Thông tư 27/2018/TT-BTNMT về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	01/03/2019
15	Thông tư 34/2018/TT-NHNN quy định về quản lý và sử dụng mạng máy tính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	01/03/2019
16	Thông tư 125/2018/TT-BTC quy định việc cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/03/2019
17	Thông tư 12/2018/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	15/03/2019
18	Thông tư 33/2018/TT-BTNMT quy định về quy trình khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên biển do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	12/03/2019
19	Thông tư 43/2018/TT-BYT hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	01/03/2019
20	Thông tư 42/2018/TT-BYT quy định về đào tạo bổ sung đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	01/03/2019
21	Thông tư 11/2018/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình tàu điện ngầm do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	15/03/2019
22	Thông tư 49/2018/TT-BYT hướng dẫn hoạt động xét nghiệm trong khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	15/03/2019
23	Thông tư 47/2018/TT-BYT quy định về việc áp dụng điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận và thực hành chuyên môn để cấp chứng chỉ hành nghề dược cổ truyền do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	01/03/2019
24	Thông tư 46/2018/TT-BYT quy định về hồ sơ bệnh án điện tử do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	01/03/2019
25	Thông tư 46/2018/TT-NHNN quy định về thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với trường hợp cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/03/2019

26	Thông tư 51/2018/TT-NHNN quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/03/2019
27	Thông tư 53/2018/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/03/2019
28	Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	15/03/2019
29	Quyết định 01/2019/QĐ-TTg về Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	05/03/2019
30	Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	11/03/2019
31	Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành	15/03/2019
32	Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật Hình sự do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành	15/03/2019
33	Thông tư 03/2019/TT-BGTVT quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	28/03/2019
34	Thông tư 01/2019/TT-BGTVT quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	01/03/2019
35	Thông tư 02/2019/TT-BTC quy định về Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/03/2019
36	Thông tư 03/2019/TT-BTC quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	03/03/2019

37	Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐBXH về Chương trình môn học tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	05/03/2019
38	Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	05/03/2019
39	Thông tư 01/2019/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	03/03/2019
40	Thông tư 08/2019/TT-BQP quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án đầu tư phòng thí nghiệm trong Bộ Quốc phòng	05/03/2019
41	Thông tư 01/2019/TT-BNNPTNT về Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	05/03/2019
42	Thông tư 04/2019/TT-BTC bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	04/03/2019
43	Thông tư 04/2019/TT-BLĐTĐBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	08/03/2019
44	Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	08/03/2019
45	Quyết định 04/2019/QĐ-TTg về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm do Thủ tướng Chính phủ ban hành	10/03/2019
46	Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	08/03/2019
47	Thông tư 02/2019/TT-BNV quy định về tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	10/03/2019
48	Thông tư 01/2019/TT-BNV quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý	10/03/2019

	tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	
49	Thông tư 04/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	11/03/2019
50	Thông tư 06/2019/TT-BLĐTBXH bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, cao đẳng kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	15/03/2019
51	Thông tư 06/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 72/2017/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	15/03/2019
52	Thông tư 07/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 72/2015/TT-BTC quy định về áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	28/03/2019
53	Quyết định 01/2019/QĐ-KTNN hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán Báo cáo tài chính doanh nghiệp do Kiểm toán Nhà nước ban hành	15/03/2019
54	Thông tư 05/2019/TT-BGTVT quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	15/03/2019
55	Thông tư 13/2019/TT-BQP quy định, hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định và chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng	18/03/2019
56	Nghị quyết 629/2019/UBTVQH14 hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành	15/03/2019
57	Thông tư 01/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 30/2015/TT-NHNN quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	20/03/2019

58	Quyết định 296/QĐ-BTC năm 2019 đính chính Thông tư 07/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 72/2015/TT-BTC quy định về áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	28/03/2019
59	Quyết định 395/QĐ-BKHCN năm 2019 công bố thủ tục hành chính mới, được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	20/03/2019
60	Thông tư 02/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 23/2014/TT-NHNN hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/03/2019
61	Quyết định 238/QĐ-BTTTT năm 2019 sửa đổi Quyết định 1756/QĐ-BTTTT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Internet Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	01/03/2019
62	Quyết định 792/QĐ-BYT năm 2019 công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế	01/03/2019
63	Quyết định 537/QĐ-BTP năm 2019 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	05/03/2019

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.luatsuhcm.com.

